

THÔNG BÁO TUYỂN SINH NĂM 2024
Chương trình đào tạo Thạc sĩ Quản trị công nghệ và phát triển doanh nghiệp
(MOTE) do ĐHQGHN cấp bằng

Trường Quản trị và Kinh doanh - HSB (Trước là Khoa Quản trị Kinh doanh), trực thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội (VNU) được thành lập ngày 13/07/1995. HSB là đơn vị tiên phong về các chương trình đào tạo quản trị liên ngành và quản trị kinh doanh tích hợp, hợp tác với các trường đại học hàng đầu trên thế giới như ĐH SUNY Albany (Mỹ), ĐH Queensland (Úc), ĐH Massey (New Zealand), ... Hiện nay, HSB đã trở thành một thương hiệu có uy tín hàng đầu tại Việt Nam triển khai thành công nhiều chương trình đào tạo mới và liên ngành từ trình độ đại học đến thạc sĩ và tiến sĩ như: MET, MAC, HAT, MAS, MNS, MOTE, MBA và DMS trên cơ sở kết hợp sáng tạo 3 trụ cột học thuật là: Quản trị, Công nghệ và An ninh.

Sau nhiều năm tháng nỗ lực phấn đấu, năm 2023, Trường Quản trị và Kinh doanh tự hào được nhận kết quả ĐẠT chất lượng kiểm định theo chuẩn chất lượng Châu Âu trong khuôn khổ Quản trị Chất lượng Giáo dục Châu Âu (ESG) do Viện Đảm bảo Chất lượng, Kiểm định và Chứng nhận Chất lượng (ACQUIN – Đức) cấp cho toàn bộ các chương trình đào tạo chính quy, chất lượng cao của HSB.

Căn cứ vào Quy chế đào tạo Thạc sĩ ban hành theo quyết định số 3636/QĐ-ĐHQGHN ngày 21/10/2022; Hướng dẫn tuyển sinh Sau đại học năm 2024 số 589/HD-TSSĐH ngày 01/03/2024 và Quyết định số 585/QĐ-ĐHQGHN ngày 01/03/2024 của Giám đốc ĐHQGHN về việc giao chỉ tiêu tuyển sinh năm 2024,

Trường Quản trị và Kinh doanh, Đại học Quốc gia Hà Nội **thông báo tuyển sinh Chương trình đào tạo Thạc sĩ Quản trị Công nghệ và Phát triển doanh nghiệp (MOTE) hệ chính quy năm 2024** với các thông tin cụ thể như sau:

1. Thông tin tóm tắt về Chương trình đào tạo

- Tên chuyên ngành đào tạo:
Tên tiếng Việt: **Quản trị công nghệ và phát triển doanh nghiệp**
Tên tiếng Anh: ***Management of Technology and Entrepreneurship***
Tên viết tắt: **MOTE**
- Mã số chuyên ngành: Ngành đào tạo thí điểm (mã đề xuất: 8900301)
- Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt, Tiếng Anh
- Trình độ đào tạo: Thạc sĩ
- Thời gian đào tạo: 2 năm
- Tên văn bằng sau tốt nghiệp:
Tiếng Việt: Thạc sĩ chuyên ngành Quản trị công nghệ và phát triển doanh nghiệp
Tiếng Anh: The Degree of Master in Management of Technology and Entrepreneurship

- Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo: Trường Quản trị và Kinh doanh, ĐHQGHN
- Đơn vị cấp bằng: Đại học Quốc gia Hà Nội

2. Chỉ tiêu tuyển sinh: 20 chỉ tiêu

3. Đối tượng dự tuyển

Đối tượng dự tuyển vào chương trình Thạc sĩ Quản trị Công nghệ và Phát triển doanh nghiệp (MOTE) là các thí sinh:

- Đáp ứng điều kiện tại mục 7 của thông báo này;
- Có lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận;
- Có đủ sức khỏe để học tập;
- Nộp hồ sơ đầy đủ, đúng thời hạn tại mục 4 của thông báo này.
- Đối với thí sinh là người nước ngoài: Xét tuyển theo Quy định hiện hành về việc thu hút và quản lý sinh viên/ học viên quốc tế tại ĐHQGHN.

4. Đăng ký dự tuyển và nộp hồ sơ

- Thí sinh truy cập vào phần mềm tuyển sinh sau đại học của ĐHQGHN tại địa chỉ <http://tssdh.vnu.edu.vn> và thực hiện đăng ký dự tuyển trực tuyến theo hướng dẫn.

- Đồng thời, thí sinh truy cập vào cổng đăng ký dự tuyển trực tuyến của HSB tại địa chỉ [Phiếu Đăng ký dự thi Mới \(zohopublic.com\)](http://Phiếu Đăng ký dự thi Mới (zohopublic.com)) và thực hiện đăng ký dự tuyển trực tuyến theo hướng dẫn.

- Thời gian đăng ký dự tuyển và nộp hồ sơ:

- Đợt 1: 8h00 ngày 11/03/2024 đến 17h00 ngày 24/04/2024
- Đợt 2: 8h00 ngày 14/05/2024 đến 17h00 ngày 23/08/2024

- Thí sinh sau khi đăng ký trực tuyến phải nộp đầy đủ **hồ sơ bản cứng** (theo quy định tại mục 11 của thông báo này) trong thời gian đăng ký dự tuyển tại Văn phòng Quản trị các chương trình Sau đại học (POMO), tầng 2, nhà B1, Trường Quản trị và Kinh doanh, ĐHQGHN, số 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội.

5. Thời gian xét tuyển dự kiến

- **Đợt 1:** 18-19/05 và 25-26/05

- **Đợt 2:** 21-22/09 và 28- 29/09

6. Thời gian đào tạo

- Thời gian đào tạo chuẩn là 02 năm và không được kéo dài quá 02 năm sau thời gian đào tạo chuẩn;

- Thời gian học ngoài giờ hành chính.

7. Điều kiện dự tuyển

7.1. Điều kiện văn bằng

- Đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp, hạng tốt nghiệp từ Khá trở lên hoặc có công bố khoa học (sách, giáo trình, bài báo đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành hoặc các báo cáo đăng trên kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành) liên quan đến lĩnh vực học tập, nghiên cứu.

- Danh mục ngành phù hợp và học phần bổ sung kiến thức chi tiết như sau:

- **Nhóm 1:** Ứng viên có bằng tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành Quản trị doanh nghiệp và công nghệ (MET) được tham gia xét tuyển mà không phải học bổ sung kiến thức.

- **Nhóm 2:** Ứng viên có bằng tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp gồm: Quản trị và An ninh, Quản trị nhân lực và nhân tài, Marketing và truyền thông của Trường Quản trị và Kinh doanh được tham gia xét tuyển sau khi hoàn thành 01 học phần bổ sung kiến thức dưới đây:

STT	Tên học phần	Số tín chỉ	Tương đương với tín chỉ ECTS
1.	Tổng quan về chuyển giao công nghệ <i>Overview of technology transfer</i>	3	4.5
Tổng số tín chỉ		3	4.5

- **Nhóm 3:** Ứng viên có bằng tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp thuộc nhóm ngành: Kinh doanh, Kinh tế học, Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm, Kế toán - Kiểm toán, Quản trị - Quản lý, Luật, Ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài, được dự thi sau khi đã có chứng chỉ bổ sung kiến thức với chương trình gồm 03 học phần (11 tín chỉ) sau:

STT	Tên học phần	Số tín chỉ	Tương đương với tín chỉ ECTS
1.	Quản trị công ty <i>Corporate Governance</i>	4	6
2.	Tổng quan về công nghệ thông tin <i>Overview of Information Technology</i>	4	6
3.	Tổng quan về chuyển giao công nghệ <i>Overview of technology transfer</i>	3	4.5
Tổng số tín chỉ		11	16.5

- **Nhóm 4:** Có bằng tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp thuộc lĩnh vực: Khoa học sự sống; Toán và thống kê; Máy tính và công nghệ thông tin; Công nghệ kỹ thuật; Kỹ thuật; Khoa học tự nhiên; Sản xuất và chế biến; Kiến trúc và xây dựng; Nông, lâm nghiệp và thủy sản; Thú y; Sức khỏe; Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân; Dịch vụ vận tải; Môi trường và bảo vệ môi trường; An ninh, Quốc phòng, được dự thi sau khi đã có chứng chỉ bổ sung kiến thức với chương trình gồm 5 học phần (19 tín chỉ) sau:

STT	Tên học phần	Số tín chỉ	Tương đương với tín chỉ ECTS
1.	Kinh tế học <i>Economics</i>	4	6
2.	Quản trị công ty <i>Corporate Governance</i>	4	6
3.	Tổng quan về công nghệ thông tin	4	6

STT	Tên học phần	Số tín chỉ	Tương đương với tín chỉ ECTS
	<i>Overview of Information Technology</i>		
4.	Tổng quan về chuyển giao công nghệ <i>Overview of technology transfer</i>	3	4.5
5.	Luật Kinh doanh và đạo đức kinh doanh <i>Business Law and Ethics</i>	4	6
Tổng số tín chỉ		19	28,5

Lưu ý:

- Văn bằng đại học do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận theo quy định hiện hành;
- Thí sinh phải hoàn thành chương trình bổ sung kiến thức (nếu có) trước khi đăng ký dự tuyển;
- HSB tổ chức chương trình bổ sung kiến thức và cấp giấy chứng nhận kèm bảng điểm cho các thí sinh thuộc Nhóm 2, Nhóm 3, Nhóm 4;
- Thời khóa biểu lớp Bổ sung kiến thức sẽ được thông báo chi tiết đến thí sinh đăng ký.

7.2. Điều kiện về ngoại ngữ

Có năng lực ngoại ngữ từ bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam được minh chứng qua một trong các văn bằng, chứng chỉ sau:

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ Anh hoặc ngành sư phạm tiếng Anh hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà các học phần thuộc khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành được thực hiện bằng tiếng Anh;
- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do các đơn vị đào tạo trong ĐHQGHN cấp trong thời gian không qua 2 năm tính đến ngày đăng ký dự tuyển;
- Bằng đại học các ngành ngôn ngữ sau: Tiếng Pháp, Tiếng Nhật, Tiếng Trung, Tiếng Hàn mà ngôn ngữ thứ 2 là tiếng Anh;
- Một trong các chứng chỉ/ chứng nhận trình độ tiếng Anh đạt trình độ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam trong thời hạn 02 năm kể từ ngày thi chứng chỉ/ chứng nhận đến ngày đăng ký dự tuyển, được quy định tại phụ lục 2 và phụ lục 3.

Lưu ý:

- ĐHQGHN không chấp nhận sử dụng chứng chỉ ngoại ngữ thi theo hình thức trực tuyến;
- Các thí sinh có thể sử dụng kết quả bài thi VNU test trước hoặc cùng đợt tuyển sinh làm minh chứng về năng lực ngoại ngữ để dự tuyển thạc sĩ (kết quả bài thi VNU test không được sử dụng làm minh chứng chuẩn đầu ra ngoại ngữ của các CTĐT thạc sĩ).
- **Lịch thi VNU Tests đợt 1 vào ngày Chủ nhật, 12/05/2024 và đợt 2 vào ngày Chủ nhật, 15/09/2024.** Thí sinh có nhu cầu thi để cấp chứng nhận VNU Tests đăng ký trực tiếp với Trường Đại học Ngoại ngữ. Ngoài 2 đợt thi trên, Trường ĐHN có tổ chức thêm nhiều đợt thi khác trong năm và không giới hạn số lần thí sinh dự thi

(xem lịch thi tại: <https://dangky.ulis.vnu.edu.vn/vnu-tests/>).

7.3. Điều kiện về kinh nghiệm công tác

- Thí sinh có bằng đại học ngành Quản trị doanh nghiệp và công nghệ (mã ngành 7900101) được dự tuyển ngay sau khi tốt nghiệp.

- Thí sinh phải học bổ sung kiến thức trước khi dự tuyển cần có ít nhất 1 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực công tác liên quan.

Năm kinh nghiệm công tác tính từ ngày kí quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày đăng ký dự tuyển.

Lĩnh vực công tác liên quan gồm: quản lý nhà nước, quản lý khoa học và công nghệ, quản lý kinh tế, hoặc quản trị kinh doanh.

8. Xét tuyển

8.1. Quy trình xét tuyển

Dựa trên đối tượng tuyển sinh mang tính đặc thù và chuyên ngành đào tạo tích hợp, HSB tổ chức xét tuyển theo phương thức mới và hiện đại thông qua: đánh giá hồ sơ, phỏng vấn chuyên môn của thí sinh và viết luận.

- Vòng 1: Đánh giá hồ sơ

Hội đồng tuyển sinh đánh giá hồ sơ đăng ký dự tuyển theo các tiêu chí: Năng lực học tập ở bậc cử nhân, trình độ ngoại ngữ, công bố khoa học, thư giới thiệu. Thí sinh có điểm đánh giá hồ sơ đạt từ 60/100 điểm được coi là vượt qua vòng đánh giá hồ sơ và sẽ được thông báo về thời gian tham gia vòng 2 (Vòng Phỏng vấn và thi viết luận).

- Vòng 2: gồm 2 nội dung Phỏng vấn và thi viết luận

Điều kiện tham dự: Thí sinh vượt qua vòng 1 sẽ đủ điều kiện tham gia vòng 2. Chi tiết mỗi nội dung đánh giá như sau:

Phỏng vấn:

- Ngôn ngữ sử dụng trong phỏng vấn: Tiếng Việt, Tiếng Anh.
- Hình thức phỏng vấn: trực tiếp hoặc trực tuyến trong đó, hình thức phỏng vấn trực tuyến chỉ áp dụng trong trường hợp bất khả kháng và được quyết định bởi Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh.
- Thang điểm và tiêu chí đánh giá: Vòng phỏng vấn đánh giá theo thang điểm 100 theo các tiêu chí: Mục đích học tập của thí sinh; Hiểu biết về Chính trị - Kinh tế - Văn hóa – Xã hội; Kiến thức chuyên môn; Kinh nghiệm công tác; Khả năng giao tiếp, hiểu và diễn đạt vấn đề theo yêu cầu (bao gồm cả khả năng sử dụng tiếng Anh chuyên môn nếu có); Đạo đức và trách nhiệm. Thí sinh có điểm phỏng vấn đạt từ 60/100 điểm sẽ đủ điều kiện tham gia xét tuyển.

Thi viết luận

- Mục đích của bài viết luận nhằm kiểm tra năng lực học tập của thí sinh. Thí sinh được yêu cầu trình bày ý kiến, quan điểm về một vấn đề liên quan đến chương trình đào tạo.
- Ngôn ngữ sử dụng trong thi viết luận: Tiếng Việt
- Thời gian thi: 30 phút

- Thang điểm: Cán bộ chấm thi sẽ chấm bài thi viết luận theo thang điểm 100. Thí sinh có điểm viết luận đạt từ 60/100 điểm sẽ đủ điều kiện tham gia xét tuyển

8.2. Xét tuyển

- Thí sinh có tổng điểm vòng 2 (tổng điểm phỏng vấn và thi viết luận) đạt từ 120/200 điểm sẽ đủ điều kiện xét trúng tuyển.
- Hội đồng tuyển sinh sẽ xét tuyển theo nguyên tắc từ cao xuống thấp cho đến khi đủ chỉ tiêu.
- Trường hợp bằng điểm nhau ở cuối danh sách sẽ xét theo thứ tự ưu tiên thí sinh có điểm đánh giá hồ sơ cao hơn, thí sinh có điểm đánh giá phỏng vấn cao hơn.

8.3. Thời gian xét tuyển và thông báo kết quả dự kiến

- Thời gian xét tuyển: Đợt 1: Trước 27/5/2024 và Đợt 2: Trước 30/09/2024
- Thời gian thông báo kết quả: Đợt 1: Trước 29/05/2024 và Đợt 2: Trước 02/10/2024

8.4. Thời gian nhập học và khai giảng dự kiến

- Thời gian nhập học: Đợt 1: Trước 22/06/2024 và Đợt 2: Trước 26/10/2024
- Thời gian khai giảng (dự kiến): Tháng 10/2024

9. Kinh phí đào tạo

9.1 Học phí toàn khóa

- Học phí toàn khóa: **150,000,000 đồng/Khóa**
- Học phí được đóng thành các đợt theo qui định và sẽ được thông báo khi thí sinh trúng tuyển.
- Học viên xuất sắc có hoàn cảnh khó khăn có cơ hội được xin cấp học bổng bán phần và toàn phần.
- Học phí đã bao gồm toàn bộ chi phí quản trị, chi phí đào tạo, in tập bài giảng và tài liệu, hội thảo, thực hành; chi phí sử dụng cơ sở vật chất, phòng học, điều hòa; dịch vụ teabreak...
- Học phí **KHÔNG** bao gồm: lệ phí dự tuyển đầu vào; lệ phí bảo lưu, gia hạn; lệ phí thi lại, học lại (nếu có); lệ phí học Bổ sung kiến thức (nếu có)); lệ phí học và thi chứng chỉ tiếng Anh (nếu có).

10.2 Lệ phí đăng ký và xét tuyển năm 2024

- Lệ phí hồ sơ và đăng ký hồ sơ: 150.000 đồng/thí sinh
- Lệ phí phỏng vấn và xét tuyển: 1.000.000 đồng/thí sinh.
- Lệ phí học bổ sung kiến thức: Theo thông báo của Văn phòng Quản trị các chương trình Sau đại học (POMO) và Phòng Kế hoạch Tài chính HSB.

11. Hồ sơ đăng ký

A. Giấy tờ bắt buộc				
1.	Phiếu đăng ký dự tuyển (Theo mẫu)	:	01	Bản gốc
2.	Sơ yếu lý lịch có xác nhận của thủ trưởng cơ quan hoặc chính quyền địa phương nơi thí sinh cư trú, thời hạn 6 tháng tính tới ngày dự tuyển	:	01	Bản gốc

3.	CMT/ CCCD	:	01	Bản sao
4.	Giấy khai sinh	:	01	Bản sao
5.	Giấy xác nhận sức khoẻ do bệnh viện đa khoa cấp, thời hạn trong vòng 6 tháng tính đến ngày dự tuyển	:	01	Bản gốc
6.	Bằng tốt nghiệp đại học và Bảng điểm đại học <i>Lưu ý: Văn bằng đại học do sở giáo dục nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận theo quy định hiện hành</i>	:	01	Bản sao
7.	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam (Hoặc tương đương)	:	01	Bản sao
8.	02 ảnh 3x4cm và 02 ảnh 4x6cm, chụp trong thời gian không quá 6 tháng	:	04	Ảnh
9.	QĐ tuyển dụng/ QĐ bổ nhiệm/ HĐLĐ dài hạn/ Giấy đăng ký thành lập doanh nghiệp (Đối với chủ doanh nghiệp) ... hoặc giấy xác nhận thời gian làm việc tối thiểu 1 năm liên tục của thủ trưởng cơ quan để chứng nhận kinh nghiệm công tác (theo mẫu) <i>(đối với thí sinh thuộc Nhóm 2, Nhóm 3 và Nhóm 4)</i>	:	01	Bản sao
10.	Chứng nhận hoàn thành chương trình Bổ sung kiến thức theo chuyên ngành dự tuyển trong thời hạn 05 năm tính tới ngày dự tuyển <i>(đối với thí sinh thuộc Nhóm 2, Nhóm 3 và Nhóm 4)</i>	:	01	Bản sao
B. Giấy tờ khác				
11.	Thư giới thiệu của cơ quan/ tổ chức/ doanh nghiệp/ nhà khoa học/ nhà giáo (đối với thí sinh được cơ quan/ tổ chức cử đi học) (theo mẫu)	:	01	Bản gốc

12. Địa chỉ liên lạc và nộp hồ sơ

Trường Quản trị và Kinh doanh (HSB), Đại học Quốc gia Hà Nội

Văn phòng Quản trị các chương trình Sau đại học (POMO)

Địa chỉ: Tầng 2, nhà B1, số 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội

Hotline: 024. 6292.3030 – 0903.281.028

Email: pomo@hsb.edu.vn

Trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:

- ĐHQGHN (để b/c);
- Ban Giám hiệu (để b/c);
- Các đơn vị, cơ quan liên quan;
- Các đơn vị thuộc HSB;
- Lưu: VT, TS, ĐT, KH-TC.



PGS.TS. Hoàng Đình Phi

PHỤ LỤC 1

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Kèm theo Thông báo số 141/TB-QT&KD, ngày 7 tháng 3 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Quản trị và Kinh doanh)

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ cần tích lũy:	72 tín chỉ (108 ECTS), trong đó:
- Khối kiến thức chung:	9 tín chỉ (13.5 ECTS)
- Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành:	39 tín chỉ (58.5 ECTS)
+ <i>Bắt buộc:</i>	24 tín chỉ (36 ECTS)
+ <i>Lựa chọn:</i>	15 tín chỉ (22.5 ECTS) / 45 tín chỉ
- Nghiên cứu khoa học	24 tín chỉ (36 ECTS)
+ <i>Dự án/ Chuyên đề:</i>	12 tín chỉ (18 ECTS)
+ <i>Luận văn thạc sĩ:</i>	12 tín chỉ (18 ECTS)

2. Khung chương trình đào tạo

STT	Mã học phần	Tên học phần (ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Ngôn ngữ đào tạo
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
I	Khối kiến thức chung		9				
1	PHI5002	Triết học <i>Philosophy</i>	4	60	0	140	T. Việt
2	ENG5001	Tiếng Anh B2 (SĐH) <i>English B2 (Post Graduate)</i>	5	75	0	175	T. Anh
II	Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành		39				
II.1	Các học phần bắt buộc		24				
3	HSB6019E	Tổng quan về phát triển bền vững <i>General Introduction to Sustainable Development</i>	3	42	6	102	T. Anh
4	HSB6001E	Quản trị chiến lược và kế hoạch <i>Management of Strategies & Plans</i>	3	42	6	102	T. Anh
5	HSB6038E	Quản trị nguồn nhân lực và nhân tài cho nhà quản trị <i>Management of Human Resources & Talents for managers</i>	3	42	6	102	T. Anh
6	HSB6039E	Quản trị công ty nâng cao <i>Advanced Corporate Governance</i>	3	42	6	102	T. Anh
7	HSB6040E	Quản trị công nghệ và Đổi mới sáng tạo <i>Management of Technology & Innovation</i>	3	42	6	102	T. Anh

STT	Mã học phần	Tên học phần (ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Ngôn ngữ đào tạo
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
8	HSB6018	Tài chính và kế toán cho nhà quản trị <i>Accounting and Finance for Managers</i>	3	42	6	102	T. Việt T. Anh
9	HSB6042	Phương pháp nghiên cứu khoa học <i>Research Methodology</i>	3	42	6	102	T. Việt T. Anh
10	HSB6043	Phân tích dữ liệu cho nhà quản trị <i>Data Analysis for Managers</i>	3	42	6	102	T. Việt T. Anh
II.2	Các học phần tự chọn		15/45				
11	HSB6047	Quản trị sản xuất và hoạt động <i>Management of Manufacturing & Operation</i>	3	42	6	102	T. Việt T. Anh
12	HSB6025	Quản trị dự án nghiên cứu và phát triển <i>Management of R&D Project</i>	3	42	6	102	T. Việt T. Anh
13	HSB6051	Tổng quan về tư duy thiết kế và công nghệ mới <i>Introduction to Design Thinking and New Technologies</i>	3	42	6	102	T. Việt T. Anh
14	HSB6027	Chiến lược phát triển công nghệ <i>Technology Development Strategy</i>	3	42	6	102	T. Việt T. Anh
15	HSB6021	Luật kinh doanh quốc tế <i>International Business Law</i>	3	42	6	102	T. Việt T. Anh
16	HSB6056	Quản trị kinh doanh số <i>Management of Digital Business</i>	3	42	6	102	T. Việt T. Anh
17	HSB6029	Quản trị chất lượng và quản trị rủi ro <i>Management of Quality and Risk</i>	3	42	6	102	T. Việt T. Anh
18	HSB6041	Quản trị Marketing và Truyền thông cho nhà quản trị <i>Management of Marketing & Communication for Managers</i>	3	42	6	102	T. Việt T. Anh
19	HSB6052	Quản trị thương hiệu và tài sản trí tuệ cho nhà quản trị <i>Management of Branding and Intellectual Property for Managers</i>	3	42	6	102	T. Việt T. Anh
20	HSB6015	Quản trị chuỗi cung ứng và hậu cần <i>Supply Chain & Logistics Management</i>	3	42	6	102	T. Việt T. Anh

STT	Mã học phần	Tên học phần (ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Ngôn ngữ đào tạo
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
21	HSB6037	Quản trị rủi ro và an ninh doanh nghiệp <i>Management of Risk & Corporate Security</i>	3	42	6	102	T. Việt T. Anh
22	HSB6055	Quản trị Dự án và Kinh doanh quốc tế <i>Project Management and International Business</i>	3	42	6	102	T. Việt T. Anh
23	HSB6053	Quản trị An ninh công nghệ <i>Technology Security Management</i>	3	42	6	102	T. Việt T. Anh
24	HSB6050	Chuyên giao công nghệ <i>Technology Transfer</i>	3	42	6	102	T. Việt T. Anh
25	HSB6010	Quản trị phát triển doanh nghiệp <i>Management of Entrepreneurship</i>	3	42	6	102	T. Việt T. Anh
III	Nghiên cứu khoa học		24				
26	HSB7004	Dự án/ Chuyên đề 1 <i>Research Assignment 1</i>	4				T. Việt T. Anh
27	HSB7005	Dự án/ Chuyên đề 2 <i>Research Assignment 2</i>	4				T. Việt T. Anh
28	HSB7006	Dự án/ Chuyên đề 3 <i>Research Assignment 3</i>	4				T. Việt T. Anh
29	HSB7009	Luận văn thạc sĩ <i>Thesis</i>	12				T. Việt T. Anh
TỔNG SỐ TÍN CHỈ			72				

Lưu ý:

• Một tín chỉ được tính tương đương 50 giờ học tập định mức của người học, bao gồm cả thời gian dự giờ giảng, giờ học có hướng dẫn, tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra, đánh giá; đối với hoạt động dạy trên lớp, một tín chỉ yêu cầu thực hiện tối thiểu 15 giờ giảng hoặc 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận trong đó một giờ trên lớp được tính bằng 50 phút.

(1): Lý thuyết

(2): Thực hành, Thí nghiệm, Thảo luận

(3): Thực tập, Nghiên cứu, Tự học có kiểm tra đánh giá

• Học viên phải nộp chứng chỉ Tiếng Anh bậc 4 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (hoặc tương đương, theo Phụ lục 3) trước khi tham gia học học phần chuyên môn bằng tiếng Anh

PHỤ LỤC 2
DANH SÁCH CÁC CƠ SỞ CẤP CHỨNG CHỈ, CHỨNG NHẬN TIẾNG ANH
ĐƯỢC CÔNG NHẬN TRONG TUYỂN SINH THẠC SĨ
(Kèm theo Thông báo số 141/TB-QT&KD, ngày 7 tháng 3 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Quản trị và Kinh doanh)

1. Chứng nhận kết quả bài thi đánh giá năng lực ngoại ngữ theo định hướng giao tiếp nghề nghiệp (VNU Tests) do Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN cấp
2. Chứng chỉ tiếng Anh VSTEP

ĐHQGHN công nhận tất cả các cơ sở cấp chứng chỉ tiếng Anh VSTEP được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận. Dưới đây là danh sách các cơ sở cấp chứng chỉ tiếng Anh VSTEP đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp phép (tính đến ngày 29/02/2024)

STT	Cơ sở cấp chứng chỉ	STT	Cơ sở cấp chứng chỉ
1.	Trường ĐH Ngoại ngữ, ĐHQGHN	16.	Trường Đại học Ngoại thương
2.	Trường ĐH Hà Nội	17.	Học viện Khoa học quân sự
3.	Trường ĐH Ngoại ngữ, ĐH Huế	18.	Học viện Cảnh sát nhân dân
4.	Trường ĐH SP TP. Hồ Chí Minh	19.	Trường Đại học Quy Nhơn
5.	Trường ĐH Ngoại ngữ, ĐH Đà Nẵng	20.	Trường Đại học Tây Nguyên
6.	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	21.	Trường Đại học Sài Gòn
7.	Đại học Bách khoa Hà Nội	22.	Trường Đại học Văn Lang
8.	Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn – Đại học Quốc gia TP.HCM	23.	Trường Đại học Trà Vinh
9.	ĐH Thái Nguyên	24.	Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM
10.	Trường ĐH Cần Thơ	25.	Trường Đại học Công nghiệp TP.HCM
11.	Trường Đại học Nam Cần Thơ	26.	Trường Đại học Lạc Hồng
12.	Trường ĐH Vinh	27.	Trường Đại học Kinh tế Tài chính TP.HCM
13.	Học viện An ninh nhân dân	28.	Trường Đại học Công thương TP.HCM
14.	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	29.	Trường Đại học Kinh tế quốc dân
15.	Trường Đại học Thương mại	30.	Trường Đại học Kinh tế TP.HCM

3. Các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế

STT	Cơ sở cấp chứng chỉ	Các chứng chỉ được công nhận			
		IELTS	TOEFL	Cambridge Exam	Aptis ESOL
1	Educational Testing Service (ETS)		√		
2	British Council (BC)	√			√
3	International Development Program (IDP)	√			
4	Cambridge ESOL	√		√	

PHỤ LỤC 3
BẢNG THAM CHIẾU MỨC ĐIỂM TỐI THIỂU
MỘT SỐ CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH TƯƠNG ĐƯƠNG BẬC 3, BẬC 4
THEO KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM
(Kèm theo Thông báo số 141/TB-QT&KD, ngày 7 tháng 3 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Quản trị và Kinh doanh)

Khung năng lực ngoại ngữ VN	IELTS	TOEFL	Cambridge Exam	Pearson English International Certificate (PEIC)	APTIS ESOL	Vietnamese Standardized Test of English Proficiency (*)
Bậc 3	4.5	42 iBT	<ul style="list-style-type: none"> - A2 Key: 140 - B1 Preliminary: 140 - B2 First: 140 - B1 Business Preliminary: 140 - B2 Business Vantage: 140 	Level 2	B1	VSTEP.3-5 (4.0)
Bậc 4	5.5	72 iBT	<ul style="list-style-type: none"> - B1 Preliminary: 160 - B2 First: 160 - C1 Advanced: 160 - B1 Business Preliminary: 160 - B2 Business Vantage: 160 - C1 Business Higher: 160 	Level 3	B2	VSTEP.3-5 (6.0)

Ghi chú:

(*) chứng chỉ tiếng Anh VSTEP được cấp theo mẫu do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tại Thông báo số 691/TB-QLCL ngày 8 tháng 5 năm 2020 (xem mẫu tại: https://bit.ly/mau_ccvstep).

ĐHQGHN không chấp nhận sử dụng chứng chỉ tiếng Anh thi theo hình thức trực tuyến.